

Bản án số: 149/2019/HS-PT

Ngày 24 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Bà C1 Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Kông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 128/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Tổng Thị H1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tổng Thị H1, sinh năm 1970 tại huyện Phú T, tỉnh Cà Mau

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Văn Quyền (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đeo (đã chết); chồng là Huỳnh Tấn Huyện và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

- Bị hại (không triệu tập):

+ Ông Trần Quốc H2, sinh năm 1982

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1953

+ Bà Bùi Thị H4, sinh năm 1979

+ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1973

+ Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1974

+ Ông Hồ Văn D1, sinh năm 1962

+ Bà Bùi Thị H5, sinh năm 1975

+ Ông Dương Văn T3, sinh năm 1964

+ Ông Vũ Văn P, sinh năm 1960

- + Ông Huỳnh Văn K2, sinh năm 1976
 - + Ông Vũ Á C2, sinh năm 1960
 - + Bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1979
 - + Bà Nguyễn Xuân M, sinh năm 1964
 - + Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1968
 - + Ông Lê Văn N1, sinh năm 1976
 - + Bà H6 Thị C1, sinh năm 1966
 - + Ông Phạm Văn D2, sinh năm 1979
 - + Ông Trần Văn L, sinh năm 1979
 - + Bà Vũ Kim D3, sinh năm 1989
 - + Bà M Thị Út, sinh năm 1965
 - + Bà Huỳnh Kim T4, sinh năm 1991
 - + Bà Đỗ Thu H6, sinh năm 1966
 - + Ông Lưu Quốc H7, sinh năm 1957
- Cùng cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C ..
- + Bà Huỳnh Thị H8, sinh năm 1991
 - + Bà Phạm Thị B2, sinh năm 1982
 - + Ông Trần Văn N2, sinh năm 1979
 - + Bà Đặng Thùy T5, sinh năm 1992
 - + Ông Trần Văn B ì sinh năm 1956
 - + Ông Huỳnh Văn T7, sinh năm 1958
 - + Bà Hồ Thanh T1, sinh năm 1952
 - + Bà Lê Thị V, sinh năm 1976
 - + Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1970
- Cùng cư trú: Khóm 4, thị t, huyện P, tỉnh C ..
- + Bà Đoàn Thị Thanh T8, sinh năm 1986.
 - + Ông Lê Út E, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại Trần Quốc H2, Lê Thị T1, Vũ Văn P, Huỳnh Văn K2, Phạm Thị B2, Đặng Thùy T5 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Tống Thị H1 bắt đầu tổ chức chơi hụi và làm chủ nhiều dây hụi để hưởng huê hồng. Trong quá trình làm chủ hụi, H1 có vay nợ bên ngoài phải đóng lãi hàng tháng, tham gia chơi hụi, lấp tiền hụi của các dây hụi đã kết thúc mà chưa thanh toán đủ cho hụi viên, tiêu xài cá nhân dẫn đến mất cân đối nên H1 nảy sinh ý định tiếp tục mở hụi nhằm chiếm đoạt tiền của hụi viên.

Ngày 05/5/2017 (nhằm ngày 10/4/2017 âm), H1 mở dây hội 500.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và 25 âm, gồm 49 chân, có 37 người tham gia, trong đó, H1 tham gia 03 chân, hưởng hoa hồng mỗi kỳ hội là 400.000 đồng. Tại dây hội này, H1 có lập danh sách hội viên, hợp đồng mở hội có lãi suất nhưng không có ký tên, không có sổ theo dõi các kỳ hội, thanh toán tiền hội cho hội viên. Đến kỳ thứ 29, ngày 23/6/2018, H1 tuyên bố đình hội.

Quá trình điều tra xác định: Tại dây hội ngày 05/5/2017, H1 đã tự ý hốt hội của các hội viên 07 lần ở các kỳ hội: 09, 15, 17, 19, 22, 25, 27, chiếm đoạt với tổng số tiền là 110.065.000 đồng. Đồng thời, H1 còn thực hiện hành vi bán hội không cho các ông bà: Nguyễn Thị H3, Bùi Thị H4, Trần Quốc H2 03 chân hội chiếm đoạt số tiền là 48.260.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền H1 chiếm đoạt của các hội viên là 158.325.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tổng Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Phạt Tổng Thị H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, bị cáo Tổng Thị H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo để có điều kiện trả nợ cho các hội viên.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo Tổng Thị H1 có hành vi nói dối với các hội viên là có người hốt hội (thực tế không có ai hốt) để gom tiền của hội viên, sau đó bán hội không cho hội viên mục đích nhằm chiếm đoạt tiền. Cụ thể tại dây hội ngày 05/5/2017, bị cáo đã tự ý hốt hội 07 lần và bán hội không 03 chân với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các hội viên là 158.325.000 đồng.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ, phúc thẩm: Bị cáo Tổng Thị H1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo

phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với danh sách hội viên mà bị cáo đã cung cấp; phù hợp với kết quả đối chiếu tiền nợ hội giữa bị cáo với các hội viên.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử bị cáo Tổng Thị H1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Tổng Thị H1, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm hại đến đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong giao dịch dân sự bằng hình thức chơi hội, góp phần tương trợ lẫn nhau phát triển kinh tế tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho nhiều gia đình bị thiệt hại về tài sản, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Bị cáo tiếp tục trả cho 11 bị hại và thỏa thuận thanh toán xong với 07 bị hại với tổng số tiền là 183.000.000 đồng (phần này sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án khi các bị hại có yêu cầu). So với số tiền bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại là 213.000.000 đồng thì số tiền bị cáo nộp khắc phục hậu quả gần hết; Điều đó thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thiện chí bù đắp thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, có 06 bị hại trong tổng số 20 bị hại đều có đơn xin bãi nại, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện tiếp tục trả nợ, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới ở giai đoạn phúc thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

[4]. Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T về hình phạt;

Áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Tống Thị H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H1 phải chịu 200.000 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo H1 không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú T;
- Công an huyện Phú T;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T;
- Chi cục THADS huyện Phú T;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chung Văn Kết

